TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2025/QĐST-VHNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 42/2025/TLST-VHNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Bà Phan Thị Như T, sinh ngày 18/11/1978.

Căn cước công dân số: 077178000535, cấp ngày 02/7/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Ông Lê Trần H, sinh ngày 07/7/1977.

Căn cước công dân số: 036077022664, cấp ngày 02/7/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cùng địa chỉ: GB H Chung cư G, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự là bà Phan Thị Như T và ông Lê Trần H đang thực tế sinh sống tại phường T, thành phố Hồ Chí Minh nên yêu cầu giải quyết việc thuận tình ly hôn của bà T và ông H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 29, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung yêu cầu: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự là bà Phan Thị Như T và ông Lê Trần H thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về vấn đề thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Như T và ông Lê Trần H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Phan Thị Như T và ông Lê Trần H có 02 con chung là cháu Lê Phan Hoàng P, sinh ngày 11/5/2005 và cháu Lê Phan Quỳnh N, sinh ngày 10/8/2008. Cháu P đã trưởng thành nên bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu N, bà T và ông H thỏa thuận giao cháu N do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H đồng ý cấp dưỡng để bà T nuôi cháu N 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bà T và ông H đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Bà T và ông H mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0010231 và Biên lai thu tiền số 0010233 ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố H. Như vậy, bà T và ông H đã thi hành xong.

3**.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 11, TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND phường Phước Thắng, thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thanh Túy